

Bản án số: 03/2020/HSPT
Ngày 23 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh; Ông Hoàng Văn Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 10/HSPT ngày 03 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Bùi Thị Y1. Do có kháng cáo của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2020/HSST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh S.

*** Bị cáo không kháng cáo:**

Bùi Thị Y1, sinh tại huyện T, tỉnh H. Nơi cư trú: Bản Q, xã N, huyện S, tỉnh S; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 5/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Bùi Quang K và bà Lê Thị B (đều đã chết); Chồng là Nguyễn Văn T (đã chết) và có 02 người con (đều đã chết). Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2018 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại có kháng cáo:**

1. Bà Vũ Thị B; sinh năm 1963; trú tại: Bản T, xã N, huyện S, tỉnh S; có mặt.

2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1961; trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh S; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; trú tại: Bản L, xã N, huyện Sông Mã, tỉnh S; có mặt.

*** Người bị hại không kháng cáo:**

Ông Lò Văn V, sinh năm 1954; trú tại: Bản T, xã N, huyện S, tỉnh S; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:***

1. Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1964; trú tại: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh S; có mặt.

2. Bà Đào Thị K, sinh năm 1969; trú tại: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh S; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Khánh T, sinh năm 1994; trú tại: Tổ X, phường Q, thành phố S, tỉnh S; có mặt.

4. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1962; trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn Sông Mã, huyện S, tỉnh S; có mặt.

5. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1959; trú tại: Bản T, xã N, huyện S, tỉnh S; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:***

1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1966; trú tại: Bản K, xã C, huyện S, tỉnh S; vắng mặt.

2. Bà Lò Thị V, sinh năm 1973; trú tại: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh S; vắng mặt.

3. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1959; trú tại: Bản P, xã H, huyện S, tỉnh S; vắng mặt.

4. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1971; trú tại: Bản T, xã N, huyện S, tỉnh S; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2013 Bùi Thị Y1, sinh năm 1954; trú tại bản Q, xã N, huyện S thường xuyên đến quán bán thịt lợn của bà Vũ Thị B, sinh năm 1963 tại bản T, xã N, huyện S để mua thịt lợn. Khi mua Y1 thường dặn bà B bán cho từ 5-7kg thịt lợn ngon và bảo bà B cho vào túi nilon bỏ vào tủ lạnh để đông cứng rồi đóng hộp xộp để Y1 đến lấy. Thấy nhiều lần như vậy, bà B hỏi Y1 mua thịt để gửi cho ai, Y1 trả lời có quen biết các “Sếp” làm ở Tỉnh ủy Sơn La và một số lãnh đạo ban ngành nên mua để làm quà gửi biếu, Y1 hỏi và biết bà B trước làm ở Lương thực huyện Sông Mã đã nghỉ hưởng trợ cấp một lần theo chế độ 176 nên Y1 đã hỏi mua lại Quyết định nghỉ của bà B với giá 5.000.000VNĐ và nói là để về nhờ các “Sếp” nhận chế độ lương hưu, nếu bà B không bán thì Y1 sẽ giúp bà B chạy làm chế độ lương hưu theo hai mức là mức mất 15.000.000VNĐ

mỗi tháng được trợ cấp 1.200.000VNĐ và mức mất 25.000.000VNĐ mỗi tháng được trợ cấp 3.000.000VNĐ. Y1 nói thêm, nếu người nào không có tiền thì có thể chung với người khác thành một suất lớn là 30.000.000VNĐ rồi khi nhận được tiền lương hưu thì chia nhau. Do thấy Y1 có nơi cư trú ổn định, giới thiệu quen biết nhiều “Sếp” làm ở tỉnh, Vũ Thị B đã tin tưởng nhờ Y1 chạy hướng chế độ hưu. Y1 đã cho bà B một tờ mẫu đơn đề nghị do Y1 tự viết bằng tay và hướng dẫn bà B làm hồ sơ đề nộp gồm 01 đơn đề nghị có xác nhận của trưởng bản, kèm theo Quyết định nghỉ chế độ 176 và ba ảnh 4x6. Sau đó bà B đã đưa tiền và giới thiệu cho Y1 chạy chế độ cho các trường hợp khác, cụ thể các vụ như sau:

- *Vụ thứ nhất:* Khoảng thời gian tháng 10/2013 qua giới thiệu của Vũ Thị B, Bùi Thị Y1 gặp bà Vũ Thị H, sinh năm 1961 trú tại tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 trú tại tổ dân phố 7, thị trấn Sông Mã khi đang bán hàng tạp hóa tại chợ thị trấn Sông Mã, bà H và bà T đều là những người trước đây đã từng làm ở Lương thực huyện Sông Mã, qua nói chuyện Y1 có thể chạy chế độ hưu và hiện đang chạy chế độ cho bà B. Sau khoảng một tuần từ khi nói chuyện với bà H, bà T tại chợ thị trấn, Bùi Thị Y1 sang quán của bà B và bà B gọi bà H, bà T đến quán của bà B để gặp và nói chuyện với Y1. Tại đây Y1 đưa cho bà H, bà T một mẫu đơn đề nghị hướng dẫn bà H, bà T làm hồ sơ, bà H nói với Y1 không có tiền chạy suất lớn nên bà B muốn làm chung một suất lớn với bà H là 30.000.000VNĐ (mỗi người góp 15.000.000VNĐ), bà H nhất trí, còn bà T nhờ Y1 chạy chế độ hưu trí theo suất có giá 25.000.000VNĐ. Đến sáng ngày 05/11/2013 bà H, bà T mang hồ sơ đến quán của bà B và bảo bà B gọi điện thoại cho Y1 đến, tại đây bà H đưa hồ sơ và số tiền 3.000.000VNĐ cho Bùi Thị Y1, bà T đưa hồ sơ và số tiền 3.000.000VNĐ cho Bùi Thị Y1 rồi bà H, bà T làm giấy biên nhận với Bùi Thị Y1. Khi làm xong giấy biên nhận Y1 bảo bà H, bà T đưa thêm mỗi người 600.000VNĐ để làm thủ tục nên bà T đã đưa thêm cho Y1 600.000VNĐ và viết chèn thêm nội dung vào giấy biên nhận của bà T. Do bà H không có 600.000VNĐ nên nhờ bà T trả giúp và đưa tiền cho Y1, nhưng không ghi thêm vào giấy biên nhận của bà H. Đến chiều cùng ngày, bà T đến quán của bà B nhờ bà B gọi Y1 đến, tại đây bà T tiếp tục đưa thêm cho Y1 số tiền 10.000.000VNĐ rồi Y1 viết tiếp vào giấy biên nhận lúc sáng với nội dung là Y1 nhận thêm 10.000.000VNĐ của bà T. Đến ngày 21/11/2013 bà T, bà H đến quán bà B và nhờ bà B gọi điện thoại cho Y1 để đưa nốt số tiền còn lại, nhưng do Y1 không đến được nên bà H, bà T nhờ bà B cầm hộ mỗi người số tiền 12.000.000VNĐ để đưa lại cho Y1, bà B viết thêm vào giấy biên nhận giữa Bùi Thị Y1 với bà T với nội dung bà B đã nhận của bà T số tiền 12.000.000VNĐ.

Số tiền bà T đã chi để chạy chế độ hưu trí là 25.600.000VNĐ nhưng Bùi

Thị Y1 khai nhận chỉ được nhận số tiền 13.600.000VNĐ có giấy biên nhận giữa Y1 và bà T, số tiền 12.000.000VNĐ còn lại bà T khai nhận đã đưa cho bà B để bà B đưa lại cho Y1, nhưng việc giao nhận giữa bà B và Y1 không có giấy tờ, không có người làm chứng, nên không đủ chứng cứ chứng minh Bùi Thị Y1 đã nhận 12.000.000VNĐ từ bà Vũ Thị B. Đủ chứng cứ xác định Bùi Thị Y1 đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T số tiền 13.600.000VNĐ.

Số tiền bà Vũ Thị H đã chi để chạy chế độ hưu trí là 15.600.000VNĐ, nhưng Bùi Thị Y1 khai nhận chỉ được nhận 3.000.000VNĐ theo giấy biên nhận giữa Y1 với bà H và số tiền 600.000VNĐ bà H nhờ bà T đưa cho Y1 để làm thủ tục có sự chứng kiến của bà T, bà B, bà H. Đối với số tiền 12.000.000VNĐ bà Vũ Thị H khai đã đưa cho bà Vũ Thị B để bà B đưa cho Bùi Thị Y1, nhưng việc giao nhận giữa bà B và Bùi Thị Y1 không có giấy tờ, không có người làm chứng nên không đủ chứng cứ chứng minh Bùi Thị Y1 đã nhận 12.000.000VNĐ từ bà Vũ Thị B. Đủ chứng cứ xác định Bùi Thị Y1 đã chiếm đoạt của bà Vũ Thị H số tiền 3.600.000VNĐ.

- *Vụ thứ hai:* Khoảng tháng 10/2013 ông Lò Văn V sinh năm 1954 trú tại bản T, xã N, huyện S hiện đang làm Trưởng bản Trại Giồng đến mua thịt lợn tại quán của bà Vũ Thị B, biết ông V đã từng công tác ở Huyện đội huyện Sông Mã về nghỉ theo chế độ 176 mà không được hưởng chế độ hưu nên bà B giới thiệu với ông V là Bùi Thị Y1 có quen “Sếp” lớn ngoài Sơn La có thể xin được chế độ hưu với mỗi suất phải nộp là 25.000.000VNĐ và phải đặt cọc tiền trước 10.000.000VNĐ. Ông V đồng ý, nên bà B thông báo cho Y1 biết và Y1 đã liên hệ với ông V qua điện thoại để bảo ông V chuẩn bị tiền. Sau khi chuẩn bị được số tiền 10.000.000VNĐ ông V đi ra quán bán thịt của bà Vũ Thị B để gặp Bùi Thị Y1. Tại đây, ông V gặp bà B và Y1 rồi ông V đưa cho Y1 số tiền 10.000.000VNĐ (Khi đưa tiền ông V và Y1 không làm giấy tờ). Sau khi ông V đi về nhà, Y1 ở lại viết một giấy biên nhận nội dung nhận của ông V số tiền 10.000.000VNĐ để lo công việc cho ông V rồi đưa cho bà B, hôm sau bà B đưa lại cho ông V để ông V ký vào giấy biên nhận này. Mấy ngày sau, ông V đến quán bán thịt của bà B và đưa thêm cho bà B số tiền 17.000.000VNĐ để bà B đưa cho Y1, nhưng không làm giấy tờ giữa ông V với bà B.

Tổng số tiền ông Lò Văn V đã chi để chạy chế độ hưu trí là 27.000.000VNĐ, nhưng Bùi Thị Y1 chỉ thừa nhận việc nhận của ông V số tiền 10.000.000VNĐ theo giấy biên nhận giữa Y1 và ông V. Còn lại số tiền 17.000.000VNĐ bà B khai nhận đã nhận của ông V để đưa lại cho Y1, nhưng việc giao nhận giữa Y1 và bà B không có giấy tờ, không có người làm chứng, vì vậy không đủ căn cứ chứng minh Bùi Thị Y1 chiếm đoạt số tiền này.

- *Vụ thứ ba:* Bà Vũ Thị B đã đưa cho Bùi Thị Y1 tiền để chạy chế độ hưu

cho mình và góp chung với nhiều người khác để chạy chế độ hưu như sau:

Sau khi quen biết, bà Vũ Thị B nhờ Bùi Thị Y1 chạy cho mình một suất hưu trí với số tiền 25.000.000VNĐ. Sáng ngày 22/10/2013 bà B đưa cho Y1 số tiền 10.000.000VNĐ (có viết giấy biên nhận tại quán bà B ở bản Trại Giồng, xã Nà Nghịu). Đến chiều cùng ngày, bà B xuống nhà Y1 ở bản Quyết Tiến, xã Nà Nghịu đưa tiếp cho Y1 số tiền 5.000.000VNĐ và ghi thêm vào giấy biên nhận lúc sáng. Đến ngày 17/12/2013 bà B xuống nhà Y1 và đưa cho Y1 số tiền 42.600.000VNĐ (có làm giấy biên nhận) gồm các khoản tiền như: tiền suất của bà B còn thiếu là 10.000.000VNĐ, một suất lớn 30.000.000VNĐ bà B chung với bà Vũ Thị H (mỗi người 15.000.000VNĐ). Một suất lớn 30.000.000VNĐ bà B chung với bà Vũ Thị B ở bản P, xã H, huyện S. Do bà B đang nợ bà B số tiền 5.100.000VNĐ, nên bà B nói chuyện với bà B về việc có quen biết người có thể lo chạy chế độ hưu trí cho người về nghỉ hưu theo chế độ 176, bà B đồng ý chạy chế độ hưu trí với điều kiện trừ vào số tiền bà B nợ, số còn lại khi nào được hưởng chế độ bà B sẽ trả, nên bà B đã bỏ thêm số tiền 24.900.000VNĐ đưa cho Y1 để chạy chế độ cho bà B, do không chạy được chế độ hưu trí nên bà B không trả số tiền còn lại cho bà B. Sau khi biết bà Vũ Thị B chạy chế độ hưu trí thông qua Bùi Thị Y1 không được, nên bà B không Y1êu cầu bà B phải trả số tiền nợ 5.100.000VNĐ. Ngoài ra bà B còn bỏ ra số tiền 2.600.000VNĐ tiền làm bảo hiểm và tiền thủ tục trong các lần chạy chế độ hưu trí.

Cũng trong khoảng thời gian này, bà B nhận của chị Đặng Thị N, sinh năm 1971; trú cùng bản T, xã N, huyện S để chạy chế độ hưu trí cho bố mẹ đẻ của chị Nụ là ông Đặng Quốc K và bà Trần Thị A ở tổ dân phố L, thị trấn S hai suất hưu trí, mỗi suất là 27.800.000VNĐ (tổng là 55.600.000VNĐ) và 3.000.000VNĐ là tiền để bà B về tỉnh Hòa Bình lấy giấy xác nhận nơi làm việc trước đó của ông K và bà A. Số tiền này, bà B khai nhận đã đưa cho Y1. Sau một thời gian dài không chạy được chế độ, chị N đã đến nhà bà B đòi lại tiền, bà B nói với Y1 về việc chị Nụ đòi tiền, Y1 vẫn khẳng định sẽ chạy được chế độ và để tạo lòng tin cho bà B, Y1 bảo bà B mua lại suất chế độ của ông K với số tiền 23.000.000VNĐ, Y1 sẽ mua lại suất của bà A với số tiền 27.000.000VNĐ. Y1 bảo bà B ứng tiền ra trước để trả lại chị N, bà B đồng ý và bỏ ra số tiền 50.000.000VNĐ để trả lại chị N, còn nợ lại chị Nụ 8.600.000VNĐ nhưng chị N không Y1êu cầu bà B phải trả. Sau đó Y1 cũng chưa trả cho bà B số tiền 27.000.000VNĐ.

Số tiền bà B bỏ ra để chạy chế độ của mình và của người khác là 117.500.000VNĐ (trong đó 27.000.000VNĐ là cho Y1 vay để mua lại suất của bà An, còn 90.500.000VNĐ là tiền bà B chạy chế độ cho bản thân) nhưng Bùi Thị Y1 chỉ thừa nhận việc nhận tiền của bà B trong giấy biên nhận ngày 12/10/2013 ghi Bùi Thị Y1 nhận số tiền 15.000.000VNĐ và giấy biên nhận

ngày 17/12/2013 ghi Bùi Thị Y1 nhận số tiền 42.600.000VNĐ (tổng số tiền có giấy biên nhận là 57.600.000VNĐ). Còn lại số tiền 59.900.000VNĐ theo bà B trình bày khi giao nhận không có giấy tờ thể hiện, không có người làm chứng việc giao nhận, nên không có chứng cứ để kết luận Y1 chiếm đoạt số tiền này.

Ngoài những vụ trên, trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến 2015, có một số cá nhân ở trên địa bàn huyện Sông Mã và huyện Sốp Cộp đã trực tiếp đưa tiền cho bà Vũ Thị B để nhờ Y1 “chạy” chế độ hưu trí và xin việc làm, cụ thể như sau: Chị Lò Thị V, sinh năm 1973 ở bản Nà Nghịu 2, xã Nà Nghịu là người đưa cho bà Vũ Thị B số tiền là 102.000.000VNĐ có giấy biên nhận để xin việc làm cho con gái là Lò Thị C, tuy nhiên do chuyển nhà nên giấy tờ không còn lưu lại; bà Vũ Thị N, sinh năm 1959 ở bản Trại Giồng, Nà Nghịu là chị gái ruột của Vũ Thị B đã đưa cho bà B số tiền 130.000.000VNĐ có giấy biên nhận với bà B để xin việc cho con trai là Vũ Trường Nam, sau này khi không xin được việc thì bà Nhâm mới biết bà B đưa tiền cho Y1 để xin việc cho con mình; Nguyễn Thị Khánh T là con gái ruột của bà B đưa cho bà B số tiền 120.000.000VNĐ để xin việc cho chồng là Nguyễn Trung H, sinh năm 1990 ở tổ 6, phường Q, thành phố S, do bà B là mẹ đẻ của chị T nên không làm giấy biên nhận.

Bà Đặng Thị Đ sinh năm 1964 ở bản Nà Nghịu 2, xã Nà Nghịu do quen biết bà Vũ Thị B nên bà B gọi điện cho bà Đ báo có người quen ở Sông Mã quen “Sếp” lớn ngoài Sơn La có thể xin được việc gồm một suất Y1 tá và một suất kế toán tại trung tâm cai nghiện tỉnh Sơn La, nên bà Đ có nhận tiền của Đào Thị K, sinh năm 1969 ở bản H, xã S, huyện S, tỉnh S số tiền 102.000.000VNĐ để xin việc cho con là Nhữ Thị Vân A, có làm giấy biên nhận tuy nhiên hiện tại đã thất lạc giấy biên nhận; nhận của bà Phạm Thị H, sinh năm 1969 ở bản Khương Tiên, xã Chiềng Khương số tiền 150.000.000VNĐ để xin việc cho con gái là Trần Thị T làm giáo viên dạy học tại trường THPT Chiềng Khương; nhận của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962 ở tổ dân phố 7, thị trấn Sông Mã số tiền 155.000.000VNĐ để xin việc cho con gái là Phạm Thị Nguyệt (có giấy biên nhận tiền ngày 26/01/2015 số tiền 100.000.000VNĐ và giấy biên nhận ngày 04/02/2015 số tiền 55.000.000VNĐ) để xin làm kế toán ở trung tâm 06 tỉnh Sơn La. Tổng số tiền bà Đ nhận của bà Kim, bà Hồng, bà Lai là 407.000.000VNĐ, sau đó bà Đ chuyển số tiền 402.000.000VNĐ cho Vũ Thị B chia thành 04 (bốn) đợt trong đó có giấy biên nhận ngày 15/12/2014 số tiền 100.000.000VNĐ; giấy biên nhận ghi năm 2014 nhưng không ghi ngày số tiền là 150.000.000VNĐ; giấy biên nhận ghi tháng 7/2015 không ghi ngày số tiền là 150.000.000VNĐ và theo lời trình bày của bà Đ đưa cho bà B 2.000.000VNĐ tiền đi lại không làm giấy tờ và bà Đ giữ lại số tiền 5.000.000VNĐ để phục vụ đi lại và sẽ chuyển lại sau cho Vũ Thị B chứ không hưởng lợi cá nhân. Khi bà Đ gặp, trao đổi với bà

Kim, bà Hồng, bà Lai không nói rõ là thông qua bà Vũ Thị B để xin việc, mà chỉ nói quen biết người làm “Sếp” có thể lo được việc.

Tất cả số tiền nhận của các trường hợp trên, theo bà B trình bày đã giao lại cho Bùi Thị Y1 để Y1 chạy chế độ và xin việc làm, việc giao nhận được thực hiện nhiều lần tại các địa điểm khác nhau, có lần làm giấy biên nhận, có lần không làm giấy biên nhận nên chỉ còn lại một số giấy tờ giao nhận tiền giữa Y1 với bà B, ông V, bà H và bà T. Đến ngày 10/7/2015 bà B gọi Y1, bà Đ, bà Nhâm, bà T, bà H, ông V đến nhà bà B để làm chung một giấy biên nhận với nội dung là Bùi Thị Y1 đã nhận tiền của bà B và mọi người để lo chạy chế độ, xin việc làm và nếu không xin được Y1 phải trả lại mọi người nhà, đất, nhưng do bà H, bà T, ông V bận nên bà B đã viết giấy biên nhận trước và ký tên vào biên bản tại một quyển sổ của bà B, còn Bùi Thị Y1 ký tên là Bùi Thanh Y1, ký xong thì Y1 thu lại các giấy biên nhận đã viết với bà B trước đó rồi mang ra sân đốt. Giấy biên nhận tại quyển sổ của Vũ Thị B ghi tổng số tiền là 1.010.000.000VNĐ (một tỷ không trăm mười triệu đồng) chưa trừ đi 20.000.000VNĐ của Giàng A Dĩa đã gạch đi. Đến ngày 26/12/2015 bà B cùng mọi người xuống nhà Bùi Thị Y1 để đòi tiền thì Y1 phủ nhận hoàn toàn việc nhận tiền để chạy chế độ hưu trí và xin việc làm của những người trên. Tổng số tiền của tất cả những người có liên quan theo bà B và những người liên quan trình bày là 1.051.400.000VNĐ.

Vụ việc phát sinh từ năm 2013 đến đầu năm 2016, sau khi biết việc Bùi Thị Y1 không lo được chế độ hưu như đã hứa, sau nhiều lần đòi lại tiền Bùi Thị Y1 không có trả. Tháng 01/2016 những người bị hại mới có đơn gửi đến cơ quan Công an huyện Sông Mã đề nghị giải quyết theo quy định.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã đã thu thập được một số giấy vay tiền, giấy biên nhận tiền giữa Bùi Thị Y1 với những người bị hại, thu thập chữ viết, chữ ký của Bùi Thị Y1 gửi Trung tâm giám định như sau: 01 (một) giấy vay tiền giữa Bùi Thị Y1 và Vũ Thị B đề ngày 23/5/2014 và ngày 29/4/2014 ký hiệu A1; 01 (một) giấy vay tiền giữa Bùi Thị Y1 và Vũ Thị B đề ngày 02/4/2014 ký hiệu A2; 01 (một) giấy biên nhận đề ngày 05/11/2013 giữa Bùi Thị Y1 với Vũ Thị H ký hiệu A3; 01 (một) giấy biên nhận giữa Bùi Thị Y1 với Nguyễn Thị T đề ngày 05/11/2013 ký hiệu A4; Giấy biên nhận giữa Bùi Thị Y1 với Lò Văn V không đề ngày ký hiệu A5; Giấy nhận tiền giữa Bùi Thị Y1 với Vũ Thị B đề ngày 22/10/2013 ký hiệu A6; 01 (một) mẫu đơn đề nghị hưởng chế độ, đơn viết tay theo Vũ Thị B giao nộp trình bày là do Bùi Thị Y1 viết đưa cho bà B, ký hiệu A7; Giấy biên nhận giữa Bùi Thị Y1 với Vũ Thị B đề ngày 17/12/2013 ký hiệu A8; Giấy biên nhận đề ngày 10/7/2015 trong quyển sổ của bà Vũ Thị B có tên Office notebook, tại tờ số 37 ký hiệu A9.

Tại bản kết luận số: 186/KLGD-PC54 ngày 18/3/2016 của phòng Kỹ thuật

hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

- “*Chữ ký đứng tên Bùi Thị Y1, Bùi Thanh Y1 dưới mục “người vay, người nhận tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9 với chữ ký đứng tên Bùi Thị Y1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là chữ ký của cùng một người.*

- *Chữ viết của nội dung Giấy vay tiền, Giấy nhận tiền trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A9 với chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải là chữ viết của cùng một người.*

- *Chữ viết của nội dung Giấy biên nhận, Đơn xin đề nghị trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3, A4, A5, A6, A7, A8 với chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là chữ viết của cùng một người”.*

Ngày 04/7/2018, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Sông Mã ra bản kết luận điều tra số 88 đề nghị truy tố đối với bị cáo Bùi Thị Y1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999.

Ngày 03/8/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã ban hành bản cáo trạng số 86 truy tố đối với bị cáo Bùi Thị Y1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999.

Ngày 21/02/2019 Tòa án nhân dân huyện Sông Mã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và ban hành bản án số 15/HSST xét xử đối với Bùi Thị Y1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999. Tuyên phạt Bùi Thị Y1 mức án 48 tháng tù giam, buộc bị cáo Bùi Thị Y1 phải bồi thường cho bà B số tiền 57.600.000VNĐ, cho bà T số tiền 13.600.000VNĐ, cho ông V 10.000.000VNĐ, cho bà H số tiền 3.600.000VNĐ; buộc bà B và bà Đ phải hoàn trả cho những người mà bà B và bà Đ đã nhận tiền. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo, buộc bà Y1 phải bồi thường số tiền chiếm đoạt thực tế là 1.010.000.000 đồng.

Ngày 19/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La mở phiên tòa xét xử phúc thẩm và ban hành bản án số 20/2019/HS-PT, tuyên hủy bản án hình sự sơ thẩm số 15/2019/HSST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã và chuyển lại hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã để điều tra, truy tố lại theo thủ tục chung.

Ngày 03/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã Quyết định trả hồ sơ để điều tra lại số 01 và chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã.

Ngày 25/7/2019, sau khi trả hồ sơ để điều tra lại bị cáo Bùi Thị Y1 đề nghị giám định lại chữ ký, chữ viết trên giấy biên nhận tổng đề ngày 10/7/2015

nên ngày 29/8/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã đã thu nhập lại các mẫu cần giám định và ra quyết định trưng cầu giám định lại lần thứ nhất số 261 gửi Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

Tại bản kết luận số 5407/C09-P5 ngày 31/10/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

“+ Chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 trên các mẫu giám định từ A3 đến A6, A8; chữ viết tại mặt trước mẫu cần giám định ký hiệu A7 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Y1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết dưới mục “Người vay” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1; chữ viết dưới mục “Người vay” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Y1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ các chữ viết đã kết luận ở mục + đầu dòng thứ hai), chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 và chữ ký, chữ viết dưới mục “người nhận” trên mẫu cần giám định ký hiệu A9 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Y1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký, viết ra”.

Do có sự mâu thuẫn giữa kết luận số: 186/KLGD-PC54 ngày 18/3/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La và kết luận số 5407/C09-P5 ngày 31/10/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an nên ngày 08/01/2020. Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã đã trưng cầu giám định lần thứ hai trưng cầu Hội đồng giám định Viện khoa học hình sự Bộ công an giám định lại chữ ký, chữ viết Bùi Thanh Y1 có phải do bị cáo Bùi Thị Y1 ký, viết ra hay không? (đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật giám định tư pháp năm 2013).

Tại bản Kết luận giám định số 357/C09-P5 ngày 13/3/2020 của Hội đồng giám định Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

“+ Chữ ký, chữ viết dưới mục “Người vay” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, chữ viết dưới mục “Người vay” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Y1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 trên các mẫu cần giám định từ A3 đến A6, A8; chữ viết tại mặt trước mẫu cần giám định ký hiệu A7 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Y1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ các chữ đã kết luận ở mục + đầu dòng thứ nhất), chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 và chữ ký, chữ viết dưới mục “người nhận” trên mẫu cần giám định ký hiệu A9 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Y1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký, viết ra”

Do có hành vi nêu trên, tại cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 15/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh S đã truy tố Bùi Thị Y1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2020/HSST ngày 21/9/2020, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh S đã Quyết định:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

1. Tuyên bố bị cáo: Bùi Thị Y1 phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt Bùi Thị Y1 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/4/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Bùi Thị Y1 phải bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền là 84.800.000 đồng (tám mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng), cụ thể:

+ Bồi thường cho bà Vũ Thị B số tiền 57.600.000 (năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng;

+ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 13.600.000 (mười ba triệu sáu trăm nghìn) đồng;

+ Bồi thường cho ông Lò Văn V số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng.

+ Bồi thường cho bà Vũ Thị H số tiền 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

- Buộc bà Vũ Thị B phải hoàn trả lại cho những người mà bà B đã nhận tiền cụ thể như sau: Bà Vũ Thị N số tiền 130.000.000đ; bà Lò Thị V số tiền 102.000.000đ; chị Nguyễn Thị Khánh T số tiền 120.000.000đ; bà Đặng Thị Đ số tiền 402.000.000đ; ông Lò Văn V số tiền 17.000.000đ; bà Vũ Thị H số tiền 12.000.000đ; bà Nguyễn Thị T số tiền 12.000.000đ.

- Bà Đặng Thị Đ phải có trách nhiệm hoàn trả cho những người mà bà đã nhận tiền cụ thể như sau: Bà Đào Thị K số tiền 102.000.000đ; bà Phạm Thị H số tiền 150.000.000đ và bà Nguyễn Thị L số tiền 155.000.000đ.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và

quyền kháng cáo bản án (bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2020, người bị hại Vũ Thị B, Vũ Thị H, Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Đ, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Khánh T, Vũ Thị N, Đào Thị K có đơn kháng cáo đề nghị tuyên phạt bị cáo Bùi Thị Y1 với tội danh và mức hình phạt cao hơn, buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền 1.010.000.000đ (Một tỷ mười triệu đồng).

Tại phiên phúc thẩm:

* Ý kiến của Kiểm sát viên: Xét kháng cáo của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự; không chấp nhận kháng cáo của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 101/2020/HSST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh S.

* Ý kiến của những người bị hại Vũ Thị B, Vũ Thị H, Nguyễn Thị T: Y1êu cầu cấp phúc thẩm sử dụng Kết luận giám định số 186/KLGD-PC54 ngày 18/3/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La để làm căn cứ giải quyết vụ án. Đồng thời, những người làm chứng ký tên trong giấy biên nhận ngày 10/7/2015 đều khẳng định bị cáo Bùi Thị Y1 đã ký vào giấy biên nhận và nhận nợ số tiền 1.010.000.000đ. Do đó, đề nghị tuyên phạt bị cáo Bùi Thị Y1 mức hình phạt cao hơn và buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tổng số tiền là 1.010.000.000đ (Một tỷ mười triệu đồng).

Đối với công văn số 1656/C09-P5 ngày 28/8/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, về việc giải thích kết luận giám định số 5407/C09-P5 ngày 31/10/2020 của Viện khoa học hình sự: Người bị hại không nhất trí với công văn giải thích này, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

* Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Đ, Nguyễn Thị Khánh T, Phạm Thị L, Vũ Thị N khẳng định bị cáo Bùi Thị Y1 đã ký vào giấy biên nhận và nhận nợ số tiền 1.010.000.000đ. Buộc bị cáo phải hoàn trả toàn bộ số tiền 1.010.000.000đ (Một tỷ mười triệu đồng) cho bà Vũ Thị B để bà B trả lại cho người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm,

các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sau khi xét xử thẩm, người bị hại Vũ Thị B, Vũ Thị H, Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Đ, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Khánh T, Vũ Thị N, Đào Thị K có đơn kháng cáo; đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Để có tiền chi tiêu cá nhân bị cáo Bùi Thị Y1 đã đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật như có quen biết với các “sếp” ở Tỉnh ủy và các ban ngành tỉnh Sơn La nhằm tạo lòng tin có thể xin được hưởng chế độ hưu để người bị hại tin tưởng nhằm chiếm đoạt tài sản của nhiều người với tổng số tiền có tài liệu chứng cứ chứng minh là 84.800.000 đồng (trong đó lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Vũ Thị B số tiền 57.600.000 đồng, của bà Nguyễn Thị T số tiền 13.600.000 đồng; của ông Lò Văn V số tiền 10.000.000 đồng và của bà Vũ Thị H số tiền 3.600.000 đồng). Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng” theo quy định tại e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng cấp sơ thẩm đã phủ nhận kết quả giám định số 186/KLGD - PC54 ngày 18/3/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận chữ ký đứng tên Bùi Thị Y1 và Bùi Thanh Y1 dưới mục “người vay và nhận tiền” là chữ ký của cùng một người. Mặt khác, những người làm chứng ký tên trong giấy biên nhận ngày 10/7/2015 đều khẳng định bị cáo Bùi Thị Y1 đã ký vào giấy biên nhận và nhận nợ số tiền 1.010.000.000đ nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ để có cơ sở kết luận đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và khung hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo.

Tuy nhiên, tại bản án cấp sơ thẩm đã nhận định rõ: Ngày 25/7/2019, bị cáo Bùi Thị Y1 đề nghị giám định lại chữ ký, chữ viết trên giấy biên nhận đề ngày 10/7/2015 nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã đã thu nhập lại các mẫu cần giám định và ra quyết định trưng cầu giám định lại lần thứ nhất số 261 gửi Viện khoa học hình sự Bộ Công an.

Tại bản kết luận số 5407/C09-P5 ngày 31/10/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

“Chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ các chữ viết đã kết luận ở mục “5.2”), chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 và chữ

ký, chữ viết dưới mục “người nhận” trên mẫu cần giám định ký hiệu A9 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Y1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký, viết ra”.

Do có sự mâu thuẫn giữa kết luận số: 186/KLGD-PC54 ngày 18/3/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La và kết luận số 5407/C09-P5 ngày 31/10/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an nên ngày 08/01/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã đã trưng cầu giám định lần thứ hai trưng cầu Hội đồng giám định gửi Viện khoa học hình sự Bộ công an giám định lại chữ ký, chữ viết Bùi Thanh Y1 có phải do bị cáo Bùi Thị Y1 ký, viết ra hay không? (đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật giám định tư pháp năm 2012).

Tại bản Kết luận giám định số 357/C09-P5 ngày 13/3/2020 của Hội đồng giám định Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

“Chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 (trừ các chữ đã kết luận ở mục 5.1), chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 và chữ ký, chữ viết dưới mục “người nhận” trên mẫu cần giám định ký hiệu A9 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Y1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký, viết ra”.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại bà Vũ Thị B cho rằng ngoài số tiền 84.800.000đ mà bị cáo Bùi Thị Y1 thừa nhận đã chiếm đoạt của bà B và những người liên quan khác, bà B và những người có liên quan khác còn đưa cho bị cáo Bùi Thị Y1 nhiều lần thông qua bà B với số tiền là 925.200.000đ để Bùi Thị Y1 chạy chế độ hưu trí và xin việc làm. Tuy nhiên bị cáo Bùi Thị Y1 không thừa nhận được nhận số tiền 925.200.000đ của người bị hại và những người liên quan. Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa để trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an tiến hành giám định bổ sung (Khi liên hệ với Viện khoa học hình sự - Bộ Công an để Trưng cầu giám định bổ sung thì được trả lời đối với các tài liệu cần giám định trong vụ án Bùi Thị Y1 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã trưng cầu giám định. Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã thành lập Hội đồng giám định và ban hành Kết luận giám định gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã. Do đó, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an không tiến hành giám bổ sung).

Để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 20/8/2020 Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đã ban hành Công văn số 192/CV-TA về việc giải thích kết quả kết luận giám định số 5407/C09-P5 ngày 31/10/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an do chưa rõ ràng. Đề nghị Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giải

thích rõ chữ ký và chữ viết Bùi Thanh Y1 dưới mục “Người nhận” (trên mẫu giám định A9) có phải do bị cáo Bùi Thị Y1 ký, viết ra không?

Ngày 28/8/2020 Viện khoa học hình sự - Bộ Công an ban hành văn bản số 1656/C09-P5 về việc giải thích kết luận giám định như sau: *“Chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thanh Y1 dưới mục “Người nhận” trên mẫu cần giám định ký hiệu A9 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Y1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký, viết ra”*.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, kết luận giám định tư pháp mang tính khoa học, là một trong những nguồn chứng cứ được thu thập theo thủ tục luật định, làm căn cứ để cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền xem xét, đánh giá và quyết định khi giải quyết vụ án. Vụ án thuộc trường hợp giám định lại 02 lần, trong đó cả 02 lần giám định, Viện khoa học hình sự Bộ Công an và Hội đồng giám định Viện khoa học hình sự Bộ Công an đều kết luận: *“Chữ viết đứng tên Bùi Thị Y1 và chữ ký, chữ viết dưới mục “người nhận” trên mẫu cần giám định ký hiệu A9 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Y1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký, viết ra”*. Đồng thời, bị cáo Bùi Thị Y1 cũng khẳng định, ngoài số tiền 84.800.000đ bị cáo lừa đảo của bà Vũ Thị B và những người bị hại, bị cáo không nhận bất cứ khoản tiền nào của bà Vũ Thị B và những người liên quan khác. Do đó, không đủ căn cứ chứng minh bị cáo Bùi Thị Y1 đã ký vào giấy biên nhận và nhận nợ số tiền 1.010.000.000đ.

[4] Về Điều luật và hình phạt:

Cấp sơ thẩm căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và xử phạt bị cáo Bùi Thị Y1 48 (Bốn mươi tám) tháng tù là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhưng chưa xem xét đến tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” đối với bị cáo, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[5] Những vấn đề liên quan:

Đối với Đặng Thị Đ là người đứng ra nhận tiền của bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị H và bà Đào Thị K, sau đó Đặng Thị Đ chuyển lại toàn bộ số tiền trên cho Vũ Thị B, còn giữ lại 5.000.000VNĐ để phục vụ cho việc đi lại trong quá trình xin việc, Đặng Thị Đ không có mục đích hưởng lợi cho bản thân, số tiền 5.000.000VNĐ giữ lại Đặng Thị Đ đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã, vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã không đặt vấn đề xử lý đối với Đặng Thị Đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên trả lại cho bà Đặng Thị Đ số tiền 5.000.000VNĐ.

Đối với Vũ Thị B là người trực tiếp đứng ra nhận tiền của nhiều người rồi

đưa lại cho Bùi Thị Y1 để Bùi Thị Y1 chạy chế độ hưu trí và xin việc làm, không có mục đích hưởng lợi cho bản thân, việc giao nhận tiền giữa Biên và Y1 được thực hiện nhiều lần, tại các địa điểm khác nhau và Biên cũng là một trong số người bị Bùi Thị Y1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã không đặt vấn đề xử lý đối với Vũ Thị B. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Vũ Thị B hoàn trả lại số tiền đã nhận của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị bị cáo Bùi Thị Y1 phải trả số tiền mà bị cáo đã nhận của người bị hại Vũ Thị B để bà Vũ Thị B trả lại cho người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6] Từ các căn cứ nêu trên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 101/2020/HS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh S.

[7] Về án phí: Người bị hại Vũ Thị B, Vũ Thị H, Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Đ, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Khánh T, Vũ Thị N, Đào Thị K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Vũ Thị B, Vũ Thị H, Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Đ, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Khánh T, Vũ Thị N, Đào Thị K; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 101/2020/HS - ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh S:

2- Căn cứ vào điểm e khoản 2 điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Y1 phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt: Bùi Thị Y1 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11/4/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3- Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Bùi Thị Y1 phải bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền 84.800.000 đồng (tám mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng), cụ thể:

+ Bồi thường cho bà Vũ Thị B số tiền 57.600.000đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng);

+ Bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 13.600.000đ (mười ba triệu sáu trăm nghìn đồng);

+ Bồi thường cho ông Lò Văn V số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng)

+ Bồi thường cho bà Vũ Thị H số tiền 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Buộc bà Vũ Thị B phải hoàn trả lại cho những người mà bà B đã nhận tiền cụ thể như sau: Bà Vũ Thị N số tiền 130.000.000đ; bà Lò Thị V số tiền 102.000.000đ; chị Nguyễn Thị Khánh T số tiền 120.000.000đ; bà Đặng Thị Đ số tiền 402.000.000đ; ông Lò Văn V số tiền 17.000.000đ; bà Vũ Thị H số tiền 12.000.000đ; bà Nguyễn Thị T số tiền 12.000.000đ.

- Bà Đặng Thị Đ phải có trách nhiệm hoàn trả cho những người mà bà đã nhận tiền cụ thể như sau: Bà Đào Thị K số tiền 102.000.000đ; bà Phạm Thị H số tiền 150.000.000đ và bà Nguyễn Thị L số tiền 155.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn Y1êu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

4- Về án phí: Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 21; điểm đ, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14: Buộc người bị hại Vũ Thị B, Vũ Thị H, Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Đ, Phạm Thị L, Nguyễn Thị Khánh T, Vũ Thị N, Đào Thị K mỗi người phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

5- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 23/12/2020)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Sông Mã;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Tuấn Minh